

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: 71ACCT20023

Tên học phần: Nguyên lý kế toán

Mã nhóm lớp học phần: 71ACCT20023_01,02,03,04

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút (bao gồm cả thời gian nộp bài)

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có

Không

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- SV chỉ được sử dụng tài liệu giấy

Format đề thi:

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)

Câu 1: (random 1 trong 4 câu)

Câu 1a:

Đầu kỳ kế toán, tổng tài sản của công ty Cardina là 2.750.000.000 đồng, tổng vốn chủ sở hữu là 1.500.000.000 đồng. Ngày 1, công ty có phát sinh nghiệp vụ “Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa thanh toán với giá 200.000.000 đồng”. Hỏi sau nghiệp vụ trên, tổng nợ phải trả của công ty bằng bao nhiêu?

- A. 1.450.000.000 đồng
- B. 200.000.000 đồng
- C. 1.250.000.000 đồng
- D. 1.700.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1b:

Đầu kỳ kế toán, tổng nguồn vốn của công ty Cardina là 2.750.000.000 đồng, trong đó tổng vốn chủ sở hữu là 1.500.000.000 đồng. Ngày 1, công ty có phát sinh nghiệp vụ “Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa thanh toán với giá 200.000.000 đồng”. Hỏi sau nghiệp vụ trên, tổng tài sản của công ty bằng bao nhiêu?

- A. 2.950.000.000 đồng
- B. 2.750.000.000 đồng
- C. 1.450.000.000 đồng
- D. 1.700.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1c:

Đầu kỳ kế toán, tổng tài sản của công ty Cardina là 2.750.000.000 đồng, trong đó tổng nợ phải trả là 1.500.000.000 đồng. Ngày 1, công ty có phát sinh nghiệp vụ “Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa thanh toán với giá 200.000.000 đồng”. Hỏi sau nghiệp vụ trên, tổng vốn chủ sở hữu của công ty bằng bao nhiêu?

- A. 1.250.000.000 đồng
- B. 1.450.000.000 đồng
- C. 2.750.000.000 đồng
- D. 1.700.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1d:

Đầu kỳ kế toán, tổng tài sản của công ty Mango là 2.750.000.000 đồng, tổng vốn chủ sở hữu là 1.500.000.000 đồng. Ngày 1, công ty có phát sinh nghiệp vụ “Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa thanh toán với giá 500.000.000 đồng”. Hỏi sau nghiệp vụ trên, tổng nợ phải trả của công ty bằng bao nhiêu?

- A. 1.750.000.000 đồng
- B. 500.000.000 đồng
- C. 1.250.000.000 đồng
- D. 2.000.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2: (random 1 trong 4 câu)

Câu 2a:

Khoản mục nào sau đây được phân loại là “Tài sản” trong doanh nghiệp:

- A. Chi phí trả trước
- B. Quỹ khen thưởng phúc lợi
- C. Chi phí quản lý doanh nghiệp

D. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

ANSWER: A

Câu 2b:

Khoản mục nào sau đây được phân loại là “Nợ phải trả” trong doanh nghiệp:

A. Doanh thu chưa thực hiện

B. Quỹ đầu tư phát triển

C. Phải thu khách hàng

D. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

ANSWER: A

Câu 2c:

Khoản mục nào sau đây được phân loại là “Vốn chủ sở hữu” trong doanh nghiệp:

A. Quỹ đầu tư phát triển

B. Doanh thu chưa thực hiện

C. Phải thu khách hàng

D. Tiền gửi ngân hàng

ANSWER: A

Câu 2d:

Khoản mục nào sau đây được phân loại là “Tài sản” trong doanh nghiệp:

A. Phải thu khách hàng

B. Quỹ khen thưởng phúc lợi

C. Chi phí quản lý doanh nghiệp

D. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

ANSWER: A

Câu 3: (random 1 trong 4 câu)

Câu 3a:

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây không làm thay đổi tổng tài sản và tổng nguồn vốn?

A. Chuyển khoản mua một tài sản cố định sử dụng tại bộ phận bán hàng

- B.** Xuất kho công cụ dụng cụ loại phân bổ 1 kỳ sử dụng tại bộ phận bán hàng
- C.** Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa trả tiền cho người bán
- D.** Nhận vốn góp chủ sở hữu bằng một tài sản cố định

ANSWER: A

Câu 3b:

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây làm tổng tài sản và tổng nguồn vốn đều giảm?

- A.** Xuất kho công cụ dụng cụ loại phân bổ 1 kỳ sử dụng tại bộ phận bán hàng
- B.** Chuyển khoản mua một tài sản cố định sử dụng tại bộ phận bán hàng
- C.** Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa trả tiền cho người bán
- D.** Nhận vốn góp chủ sở hữu bằng một tài sản cố định

ANSWER: A

Câu 3c:

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây làm tổng tài sản và tổng nguồn vốn đều tăng?

- A.** Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa trả tiền cho người bán
- B.** Chuyển khoản mua một tài sản cố định sử dụng tại bộ phận bán hàng
- C.** Xuất kho công cụ dụng cụ loại phân bổ 1 kỳ sử dụng tại bộ phận bán hàng
- D.** Vay ngân hàng để thanh toán lương tháng trước cho nhân viên bán hàng

ANSWER: A

Câu 3d:

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây không làm thay đổi tổng tài sản và tổng nguồn vốn?

- A.** Nhận được hóa đơn tiền Internet tháng này tại bộ phận văn phòng nhưng chưa trả tiền
- B.** Xuất kho công cụ dụng cụ loại phân bổ 1 kỳ sử dụng tại bộ phận bán hàng
- C.** Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa trả tiền cho người bán
- D.** Nhận vốn góp chủ sở hữu bằng một tài sản cố định

ANSWER: A

Câu 4: (random 1 trong 4 câu)

Câu 4a:

Nghiệp vụ “Bán một lô hàng hóa với giá bán 200.000.000 đồng thu ngay bằng chuyển khoản 120.000.000 đồng, phần còn lại khách hàng chưa thanh toán; biết lô hàng này được mua nhập kho trước đó với giá 180.000.000 đồng” được ghi sổ nhật ký:

A.

Nợ TK 131	80.000.000	
Nợ TK 112	120.000.000	
	Có TK 511	200.000.000
Và		
Nợ TK 632	180.000.000	
	Có TK 156	180.000.000

B.

Nợ TK 112	120.000.000	
	Có TK 511	120.000.000
và		
Nợ TK 632	180.000.000	
	Có TK 156	180.000.000

C.

Nợ TK 112	200.000.000	
	Có TK 511	200.000.000
và		
Nợ TK 632	180.000.000	
	Có TK 156	180.000.000

D.

Nợ TK 131	120.000.000	
Nợ TK 112	80.000.000	
	Có TK 511	200.000.000
Nợ TK 632	180.000.000	
	Có TK 156	180.000.000

ANSWER: A

Câu 4b:

Nghiệp vụ “Bán một lô hàng hóa với giá bán 30.000.000 đồng thu ngay bằng tiền mặt 10.000.000 đồng, phần còn lại khách hàng chưa thanh toán; biết lô hàng này được mua nhập kho trước đó với giá 15.000.000 đồng” được ghi sổ nhật ký:

A.

Nợ TK 131	20.000.000	
Nợ TK 111	10.000.000	
	Có TK 511	30.000.000
và		
Nợ TK 632	15.000.000	
	Có TK 156	15.000.000

B.

Nợ TK 111	30.000.000	
	Có TK 511	30.000.000
và		
Nợ TK 632	15.000.000	
	Có TK 156	15.000.000

C.

Nợ TK 111	10.000.000	
	Có TK 511	10.000.000
và		
Nợ TK 632	15.000.000	
	Có TK 156	15.000.000

D.

Nợ TK 131	10.000.000	
Nợ TK 111	20.000.000	
	Có TK 511	30.000.000
Nợ TK 632	15.000.000	
	Có TK 156	15.000.000

ANSWER: A

Câu 4c:

Nghiệp vụ “Bán một lô hàng hóa với giá bán 50.000.000 đồng thu ngay bằng tiền mặt 10.000.000 đồng, phần còn lại khách hàng chưa thanh toán; biết lô hàng này được mua nhập kho trước đó với giá 25.000.000 đồng” được ghi sổ nhật ký:

A.

Nợ TK 131	40.000.000	
Nợ TK 111	10.000.000	
	Có TK 511	50.000.000
và		
Nợ TK 632	25.000.000	
	Có TK 156	25.000.000

B.

Nợ TK 111	10.000.000	
	Có TK 511	10.000.000
và		
Nợ TK 632	25.000.000	
	Có TK 156	25.000.000

C.

Nợ TK 131	40.000.000	
	Có TK 511	40.000.000
và		
Nợ TK 632	25.000.000	
	Có TK 156	25.000.000

D.

Nợ TK 131	10.000.000	
Nợ TK 111	40.000.000	
	Có TK 511	50.000.000
Nợ TK 632	25.000.000	
	Có TK 156	25.000.000

ANSWER: A

Câu 4d:

Nghiệp vụ “Bán một lô hàng hóa với giá bán 70.000.000 đồng thu ngay bằng chuyển khoản 50.000.000 đồng, phần còn lại khách hàng chưa thanh toán; biết lô hàng này được mua nhập kho trước đó với giá 35.000.000 đồng” được ghi sổ nhật ký:

A.

Nợ TK 131	20.000.000	
Nợ TK 112	50.000.000	
	Có TK 511	70.000.000
và		
Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156	35.000.000

B.

Nợ TK 112	50.000.000	
	Có TK 511	50.000.000
và		
Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156	35.000.000

C.

Nợ TK 131	20.000.000	
	Có TK 511	20.000.000
và		
Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156	35.000.000

D.

Nợ TK 131	50.000.000	
Nợ TK 112	20.000.000	
	Có TK 511	70.000.000
Nợ TK 632	35.000.000	
	Có TK 156	35.000.000

ANSWER: A

Câu 5: (random 1 trong 4 câu)

Câu 5a:

Trong tháng 12 năm N, công ty A có tổng doanh thu bán hàng 2.000.000.000 đồng, giá vốn hàng bán ra 635.000.000 đồng, chi phí phục vụ bán hàng 250.000.000 đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp 300.000.000 đồng. Với kết quả kinh doanh như trên, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán cuối tháng 12/N sẽ:

- A. Tăng 815.000.000 đồng**
- B. Bằng 815.000.000 đồng**
- C. Bằng 2.085.000.000 đồng**
- D. Tăng 2.085.000.000 đồng**

ANSWER: A

Câu 5b:

Trong tháng 12 năm N, công ty A có tổng doanh thu bán hàng 1.185.000.000 đồng, giá vốn hàng bán ra 850.000.000 đồng, chi phí phục vụ bán hàng 600.000.000 đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp 550.000.000 đồng. Với kết quả kinh doanh như trên, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán cuối tháng 12/N sẽ:

- A. Giảm 815.000.000 đồng**
- B. Bằng 815.000.000 đồng**
- C. Bằng 885.000.000 đồng**
- D. Tăng 885.000.000 đồng**

ANSWER: A

Câu 5c:

Trong tháng 12 năm N, công ty A có tổng doanh thu bán hàng 2.000.000.000 đồng, giá vốn hàng bán ra 635.000.000 đồng, thu nhập do thanh lý tài sản cố định 60.000.000 đồng, chi phí phục vụ bán hàng 250.000.000 đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp 300.000.000 đồng. Với kết quả kinh doanh như trên, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán cuối tháng 12/N sẽ:

- A. Tăng 875.000.000 đồng**
- B. Bằng 875.000.000 đồng**
- C. Bằng 2.145.000.000 đồng**
- D. Tăng 2.145.000.000 đồng**

ANSWER: A

Câu 5d:

Trong tháng 12 năm N, công ty A có tổng doanh thu bán hàng 2.200.000.000 đồng, giá vốn hàng bán ra 935.000.000 đồng, chi phí phục vụ bán hàng 750.000.000 đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp 600.000.000 đồng. Với kết quả kinh doanh như trên, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán cuối tháng 12/N sẽ:

- A. Giảm 85.000.000 đồng
- B. Bằng 85.000.000 đồng
- C. Bằng 1.785.000.000 đồng
- D. Tăng 1.785.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6: (random 1 trong 4 câu)

Câu 6a:

Tình hình kinh doanh công ty Math⁺ năm N như sau:

Tổng sản phẩm bán ra là 10.000 sản phẩm, đơn giá bán 450.000 đồng/sản phẩm, đơn giá xuất kho 215.000 đồng/sản phẩm

Phần dịch vụ đã hoàn thành cho khách hàng là 1.200.000.000 đồng

Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 850.000.000 đồng

Giảm giá hàng bán cho khách hàng: 95.000.000 đồng

Chi phí phát sinh tại bộ phận văn phòng: 700.000.000 đồng

Thanh lý tài sản cố định thu được: 150.000.000 đồng

Chi phí lãi vay phải trả: 525.000.000 đồng

Chỉ tiêu “Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N bằng bao nhiêu?

- A. 5.605.000.000 đồng
- B. 3.455.000.000 đồng
- C. 4.405.000.000 đồng
- D. 2.255.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6b:

Tình hình kinh doanh công ty Math⁺ năm N như sau:

Tổng sản phẩm bán ra là 10.000 sản phẩm, đơn giá bán 450.000 đồng/sản phẩm, đơn giá xuất kho 215.000 đồng/sản phẩm

Phần dịch vụ đã hoàn thành cho khách hàng là 1.200.000.000 đồng

Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 850.000.000 đồng

Giảm giá hàng bán cho khách hàng: 95.000.000 đồng

Chi phí phát sinh tại bộ phận văn phòng: 700.000.000 đồng

Thanh lý tài sản cố định thu được: 150.000.000 đồng

Chi phí lãi vay phải trả: 525.000.000 đồng

Chỉ tiêu “Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N bằng bao nhiêu?

A. 3.455.000.000 đồng

B. 5.605.000.000 đồng

C. 4.405.000.000 đồng

D. 2.255.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6c:

Tình hình kinh doanh công ty Math⁺ năm N như sau:

Tổng sản phẩm bán ra là 10.000 sản phẩm, đơn giá bán 650.000 đồng/sản phẩm, đơn giá xuất kho 295.000 đồng/sản phẩm

Phần dịch vụ đã hoàn thành cho khách hàng là 1.200.000.000 đồng

Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 850.000.000 đồng

Giảm giá hàng bán cho khách hàng: 95.000.000 đồng

Chi phí phát sinh tại bộ phận văn phòng: 700.000.000 đồng

Thanh lý tài sản cố định thu được: 150.000.000 đồng

Chi phí lãi vay phải trả: 525.000.000 đồng

Chỉ tiêu “Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N bằng bao nhiêu?

A. 4.655.000.000 đồng

B. 3.455.000.000 đồng

C. 4.750.000.000 đồng

D. 2.630.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6d:

Tình hình kinh doanh công ty Math⁺ năm N như sau:

Tổng sản phẩm bán ra là 10.000 sản phẩm với đơn giá bán 450.000 đồng/sản phẩm, đơn giá xuất kho 215.000 đồng/sản phẩm

Phần dịch vụ đã hoàn thành cho khách hàng là 1.200.000.000 đồng

Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 850.000.000 đồng

Giảm giá hàng bán cho khách hàng: 95.000.000 đồng

Chi phí phát sinh tại bộ phận văn phòng: 700.000.000 đồng

Thanh lý tài sản cố định thu được: 150.000.000 đồng

Chi phí lãi vay phải trả: 525.000.000 đồng

Chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N bằng bao nhiêu?

- A. 5.700.000.000 đồng
- B. 4.500.000.000 đồng
- C. 3.455.000.000 đồng
- D. 5.605.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7: (random 1 trong 4 câu)

Câu 7a:

Nghiệp vụ “Nhận được khoản bồi thường do đối tác vi phạm hợp đồng 30.000.000 đồng” làm phát sinh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này một khoản:

- A. Thu nhập khác 30.000.000 đồng
- B. Chi phí khác 30.000.000 đồng
- C. Doanh thu tài chính 30.000.000 đồng
- D. Chi phí tài chính 30.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7b:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản 30.00.000 đồng để bồi thường cho đối tác do công ty vi phạm hợp đồng” làm phát sinh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này một khoản:

- A. Chi phí khác 30.000.000 đồng
- B. Thu nhập khác 30.000.000 đồng
- C. Doanh thu tài chính 30.000.000 đồng

D. Chi phí tài chính 30.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7c:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản 30.000.000 đồng hoàn trả cho khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu do mua hàng với số lượng lớn” làm phát sinh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này một khoản:

A. Các khoản giảm trừ doanh thu 30.000.000 đồng

B. Chi phí bán hàng 30.000.000 đồng

C. Giá vốn hàng bán 30.000.000 đồng

D. Chi phí khác 30.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7d:

Nghiệp vụ “Nhận được 30.000.000 đồng cổ tức kỳ này từ việc đầu tư cổ phiếu vào công ty K” làm phát sinh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ một khoản:

A. Doanh thu hoạt động tài chính 30.000.000 đồng

B. Chi phí tài chính 30.000.000 đồng

C. Chi phí khác 30.000.000 đồng

D. Thu nhập khác 30.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8: (random 1 trong 4 câu)

Câu 8a:

Thông tin về tình hình tài chính của công ty A vào cuối năm N như sau:

Tiền gửi ngân hàng 3.200.000.000 đồng

Quỹ khen thưởng, phúc lợi 600.000.000 đồng

Phải thu khách hàng 360.000.000 đồng

Phải trả cho người bán 120.000.000 đồng

Hàng hóa 850.000.000 đồng

Vốn góp chủ sở hữu 4.500.000.000 đồng

Nguyên giá TSCĐ 1.500.000.000 đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 540.000.000 đồng

Hao mòn TSCĐ 150.000.000 đồng

Tổng tài sản của công ty vào cuối năm N bằng bao nhiêu?

- A. 5.760.000.000 đồng
- B. 5.910.000.000 đồng
- C. 6.060.000.000 đồng
- D. 5.040.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8b:

Thông tin về tình hình tài chính của công ty A vào cuối năm N như sau:

Tiền gửi ngân hàng 3.500.000.000 đồng	Quỹ khen thưởng phúc lợi 600.000.000 đồng
Phải thu khách hàng 360.000.000 đồng	Phải trả cho người bán 120.000.000 đồng
Hàng hóa 850.000.000 đồng	Vốn góp chủ sở hữu 4.500.000.000 đồng
Nguyên giá TSCĐ 1.500.000.000 đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 840.000.000 đồng
Hao mòn TSCĐ 150.000.000 đồng	

Tổng tài sản của công ty vào cuối năm N bằng bao nhiêu?

- A. 6.060.000.000 đồng
- B. 6.210.000.000 đồng
- C. 6.360.000.000 đồng
- D. 7.050.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8c:

Thông tin về tình hình tài chính của công ty A vào cuối năm N như sau:

Tiền gửi ngân hàng 2.500.000.000 đồng	Quỹ khen thưởng phúc lợi 600.000.000 đồng
Phải thu khách hàng 360.000.000 đồng	Phải trả cho người bán 120.000.000 đồng
Hàng hóa 850.000.000 đồng	Vốn góp chủ sở hữu 3.500.000.000 đồng
Nguyên giá TSCĐ 1.500.000.000 đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 840.000.000 đồng
Hao mòn TSCĐ 150.000.000 đồng	

Tổng tài sản của công ty vào cuối năm N bằng bao nhiêu?

- A. 5.060.000.000 đồng
- B. 5.210.000.000 đồng

C. 5.360.000.000 đồng

D. 5.050.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8d:

Thông tin về tình hình tài chính của công ty A vào cuối năm N như sau:

Tiền gửi ngân hàng 1.500.000.000 đồng

Quỹ khen thưởng phúc lợi 600.000.000 đồng

Phải thu khách hàng 360.000.000 đồng

Phải trả cho người bán 120.000.000 đồng

Hàng hóa 850.000.000 đồng

Vốn góp chủ sở hữu 2.500.000.000 đồng

Nguyên giá TSCĐ 1.500.000.000 đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 840.000.000 đồng

Hao mòn TSCĐ 150.000.000 đồng

Tổng tài sản của công ty vào cuối năm N bằng bao nhiêu?

A. 4.060.000.000 đồng

B. 4.210.000.000 đồng

C. 4.360.000.000 đồng

D. 5.050.000 đồng

ANSWER: A

Câu 9: (random 1 trong 4 câu)

Câu 9a:

Tài khoản nào sau đây thuộc Bảng cân đối kế toán:

A. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

B. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

C. Thu nhập khác

D. Các khoản giảm trừ doanh thu

ANSWER: A

Câu 9b:

Tài khoản nào sau đây thuộc Bảng cân đối kế toán:

A. Doanh thu chưa thực hiện

B. Giá vốn hàng bán

C. Các khoản giảm trừ doanh thu

D. Doanh thu hoạt động tài chính

ANSWER: A

Câu 9c:

Tài khoản nào sau đây thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- A. Thu nhập khác
- B. Phải thu khách hàng
- C. Tạm ứng
- D. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

ANSWER: A

Câu 9d:

Tài khoản nào sau đây thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- A. Chi phí khác
- B. Quỹ khen thưởng phúc lợi
- C. Hao mòn tài sản cố định
- D. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

ANSWER: A

Câu 10: (random 1 trong 4 câu)

Câu 10a:

Nghiệp vụ “Công ty may mặc BnB mua một hệ thống máy phát điện sử dụng ngay tại bộ phận văn phòng, với thời gian sử dụng ước tính 5 năm, giá mua 75.000.000 đồng, đã chuyển khoản thanh toán 50.000.000 đồng và phần còn lại sẽ trả vào tháng sau” được ghi sổ nhật ký:

- | | |
|--------------|------------|
| A. Nợ TK 211 | 75.000.000 |
| Có TK 112 | 50.000.000 |
| Có TK 331 | 25.000.000 |
| B. Nợ TK 641 | 75.000.000 |
| Có TK 112 | 50.000.000 |
| Có TK 331 | 25.000.000 |
| C. Nợ TK 242 | 75.000.000 |
| Có TK 112 | 50.000.000 |

Có TK 331	25.000.000
D. Nợ TK 153	75.000.000
Có TK 112	50.000.000
Có TK 331	25.000.000

ANSWER: A

Câu 10b:

Nghiệp vụ “Công ty may mặc BnB mua 1.000 m² vải nhập kho (chuyên dùng để may quần áo) với tổng trị giá 70.000.000 đồng đã thanh toán 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, phần còn lại trả vào tháng sau” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 152	70.000.000
Có TK 112	50.000.000
Có TK 331	20.000.000
B. Nợ TK 156	70.000.000
Có TK 331	50.000.000
Có TK 112	20.000.000
C. Nợ TK 152	70.000.000
Có TK 331	50.000.000
Có TK 112	20.000.000
D. Nợ TK 156	70.000.000
Có TK 112	50.000.000
Có TK 331	20.000.000

ANSWER: A

Câu 10c:

Nghiệp vụ “Công ty may mặc BnB mua một máy may nhập kho với trị giá 16.000.000 đồng đã thanh toán bằng tiền mặt 5.000.000 đồng, phần còn lại trả vào tháng sau” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 153	16.000.000
Có TK 111	5.000.000
Có TK 331	11.000.000

B. Nợ TK 153	16.000.000
Có TK 111	11.000.000
Có TK 331	5.000.000
C. Nợ TK 156	16.000.000
Có TK 111	5.000.000
Có TK 331	11.000.000
D. Nợ TK 156	16.000.000
Có TK 111	11.000.000
Có TK 331	5.000.000

ANSWER: A

Câu 10d:

Nghiệp vụ “Công ty may mặc BnB chi tiền mặt 600.000 đồng mua 10 lốc giấy A4 sử dụng ngay tại văn phòng trong tháng” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 642	600.000
Có TK 111	600.000
B. Nợ TK 153	600.000
Có TK 111	600.000
C. Nợ TK 152	600.000
Có TK 111	600.000
D. Nợ TK 641	5.000.000
Có TK 111	3.000.000

ANSWER: A

Câu 11: (random 1 trong 4 câu)

Câu 11a:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán ngay hóa đơn tiền điện trong tháng tại bộ phận bán hàng” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 641/Có TK 112
- B. Nợ TK 642/Có TK 112

C. Nợ TK 635/Có TK 112

D. Nợ TK 811/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 11b:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán hóa đơn tiền điện tháng trước tại bộ phận bán hàng” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 331/Có TK 112

B. Nợ TK 642/Có TK 112

C. Nợ TK 641/Có TK 112

D. Nợ TK 811/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 11c:

Nghiệp vụ “Nhận được hóa đơn tiền điện tháng này chưa thanh toán tại bộ phận văn phòng” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 642/Có TK 331

B. Nợ TK 641/Có TK 331

C. Nợ TK 635/Có TK 331

D. Nợ TK 811/Có TK 331

ANSWER: A

Câu 11d:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng hóa, biết lô hàng đã nhập kho trước đó” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 331/Có TK 112

B. Nợ TK 156/Có TK 112

C. Nợ TK 641/Có TK 112

D. Nợ TK 153/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 12: (random 1 trong 4 câu)

Câu 12a:

Nội dung kinh tế của bút toán nhật ký “Nợ TK 635/Có TK 111” là:

- A.** Chi tiền mặt trả chi phí lãi vay tháng này
- B.** Chi tiền mặt thanh toán cước phí Internet tại phòng Kế toán tháng này
- C.** Chi tiền mặt bồi thường hợp đồng cho khách hàng
- D.** Chi tiền mặt trả phí môi giới để thanh lý tài sản cố định

ANSWER: A

Câu 12b:

Nội dung kinh tế của bút toán nhật ký “Nợ TK 811/Có TK 111” là:

- A.** Chi tiền mặt trả phí môi giới để thanh lý tài sản cố định
- B.** Chi tiền mặt thanh toán cước phí Internet tại phòng Kế toán tháng này
- C.** Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên phòng mua hàng
- D.** Chi tiền mặt trả chi phí lãi vay tháng này

ANSWER: A

Câu 12c:

Nội dung kinh tế của bút toán nhật ký “Nợ TK 642/Có TK 111” là:

- A.** Chi tiền mặt thanh toán cước phí Internet tại phòng Kế toán tháng này
- B.** Chi tiền mặt trả phí môi giới để thanh lý tài sản cố định
- C.** Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên phòng mua hàng
- D.** Chi tiền mặt trả chi phí lãi vay tháng này

ANSWER: A

Câu 12d:

Nội dung kinh tế của bút toán nhật ký “Nợ TK 141/Có TK 111” là:

- A.** Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên phòng mua hàng
- B.** Chi tiền mặt trả phí môi giới để thanh lý tài sản cố định
- C.** Chi tiền mặt thanh toán cước phí Internet tại phòng Kế toán tháng này
- D.** Chi tiền mặt trả chi phí lãi vay tháng này

ANSWER: A

Câu 13: (random 1 trong 4 câu)**Câu 13a:**

Ngày 1/8/N, công ty A chi tiền mặt mua máy chấm công trị giá 24.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng về sử dụng ngay tại văn phòng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán tháng, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

- A. Nợ TK 642 2.000.000
 Có TK 242 2.000.000
- B. Nợ TK 642 24.000.000
 Có TK 242 24.000.000
- C. Nợ TK 242 24.000.000
 Có TK 153 24.000.000
- D. Nợ TK 642 10.000.000
 Có TK 153 10.000.000

ANSWER: A

Câu 13b:

Ngày 1/8/N, công ty A chi tiền mặt mua máy chấm công trị giá 24.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng về sử dụng ngay tại văn phòng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

- A. Nợ TK 642 10.000.000
 Có TK 242 10.000.000
- B. Nợ TK 642 24.000.000
 Có TK 242 24.000.000
- C. Nợ TK 242 24.000.000
 Có TK 153 24.000.000
- D. Nợ TK 642 2.000.000
 Có TK 153 2.000.000

ANSWER: A

Câu 13c:

Ngày 1/8/N, công ty A chi tiền mặt mua máy chấm công trị giá 24.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng về sử dụng ngay tại văn phòng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán quý, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

- A. Nợ TK 642 6.000.000
 Có TK 242 6.000.000
- B. Nợ TK 642 10.000.000
 Có TK 242 10.000.000
- C. Nợ TK 242 24.000.000
 Có TK 153 24.000.000
- D. Nợ TK 642 2.000.000
 Có TK 153 2.000.000

ANSWER: A

Câu 13d:

Ngày 1/11/N, công ty A chi tiền mặt mua máy chấm công trị giá 24.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng về sử dụng ngay tại văn phòng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

- A. Nợ TK 642 4.000.000
 Có TK 242 4.000.000
- B. Nợ TK 642 24.000.000
 Có TK 242 24.000.000
- C. Nợ TK 242 24.000.000
 Có TK 153 24.000.000
- D. Nợ TK 642 2.000.000
 Có TK 153 2.000.000

ANSWER: A

Câu 14: (random 1 trong 4 câu)

Câu 14a:

Ngày 1/6/N, công ty A mua xe tải dùng giao hàng có nguyên giá 780.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/6/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 641 45.500.000
 Có TK 214 45.500.000
- B. Nợ TK 642 78.000.000
 Có TK 214 78.000.000
- C. Nợ TK 642 45.500.000
 Có TK 242 45.500.000
- D. Nợ TK 642 78.000.000
 Có TK 242 78.000.000

ANSWER: A

Câu 14b:

Ngày 1/7/N, công ty A mua xe tải dùng giao hàng có nguyên giá 780.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/7/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 641 39.000.000
 Có TK 214 39.000.000
- B. Nợ TK 642 78.000.000
 Có TK 214 78.000.000
- C. Nợ TK 642 39.000.000
 Có TK 242 39.000.000
- D. Nợ TK 642 78.000.000
 Có TK 242 78.000.000

ANSWER: A

Câu 14c:

Ngày 1/8/N, công ty A mua xe tải dùng giao hàng có nguyên giá 780.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/8/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 641 32.500.000
 Có TK 214 32.500.000
- B. Nợ TK 642 78.000.000
 Có TK 214 78.000.000
- C. Nợ TK 642 32.500.000
 Có TK 242 32.500.000
- D. Nợ TK 642 78.000.000
 Có TK 242 78.000.000

ANSWER: A

Câu 14d:

Ngày 1/9/N, công ty A mua xe tải dùng giao hàng có nguyên giá 780.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/9/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 641 26.000.000
 Có TK 214 26.000.000
- B. Nợ TK 642 78.000.000
 Có TK 214 78.000.000
- C. Nợ TK 642 26.000.000
 Có TK 242 26.000.000
- D. Nợ TK 642 78.000.000
 Có TK 242 78.000.000

ANSWER: A

Câu 15: (random 1 trong 4 câu)

Câu 15a:

Ngày 1/6/N, công ty B nhận chuyển khoản 360.000.000 đồng tiền cho thuê văn phòng trong 1 năm (bắt đầu từ 1/6/N đến hết 31/5/N+1, giá thuê 30.000.000 đồng/tháng). Biết công ty B áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 3387 210.000.000
 Có TK 511 210.000.000
- B. Nợ TK 131 210.000.000
 Có TK 511 210.000.000
- C. Nợ TK 131 30.000.000
 Có TK 511 30.000.000
- D. Nợ TK 3387 30.000.000
 Có TK 511 30.000.000

ANSWER: A

Câu 15b:

Ngày 1/7/N, công ty B nhận chuyển khoản 360.000.000 đồng tiền cho thuê văn phòng trong 1 năm (bắt đầu từ 1/7/N đến hết 30/6/N+1, giá thuê 30.000.000 đồng/tháng). Biết công ty B áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 3387 180.000.000
 Có TK 511 180.000.000
- B. Nợ TK 131 180.000.000
 Có TK 511 180.000.000
- C. Nợ TK 131 30.000.000
 Có TK 511 30.000.000
- D. Nợ TK 3387 30.000.000
 Có TK 511 30.000.000

ANSWER: A

Câu 15c:

Ngày 1/8/N, công ty B nhận chuyển khoản 360.000.000 đồng tiền cho thuê văn phòng trong 1 năm (bắt đầu từ 1/8/N đến hết 31/7/N+1, giá thuê 30.000.000 đồng/tháng). Biết công ty B áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

A.	Nợ TK 3387	150.000.000	
	Có TK 511		150.000.000
B.	Nợ TK 131	150.000.000	
	Có TK 511		150.000.000
C.	Nợ TK 131	30.000.000	
	Có TK 511		30.000.000
D.	Nợ TK 3387	30.000.000	
	Có TK 511		30.000.000

ANSWER: A

Câu 15d:

Ngày 1/9/N, công ty B nhận chuyển khoản 360.000.000 đồng tiền cho thuê văn phòng trong 1 năm (bắt đầu từ 1/9/N đến hết 31/8/N+1, giá thuê 30.000.000 đồng/tháng). Biết công ty B áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

A.	Nợ TK 3387	120.000.000	
	Có TK 511		120.000.000
B.	Nợ TK 131	120.000.000	
	Có TK 511		120.000.000
C.	Nợ TK 131	30.000.000	
	Có TK 511		30.000.000
D.	Nợ TK 3387	30.000.000	
	Có TK 511		30.000.000

ANSWER: A

Câu 16: (random 1 trong 4 câu)

Câu 16a:

Ngày 1/11/N, trung tâm anh ngữ UTS ký hợp đồng cung cấp khóa giao tiếp cấp tốc cho công ty B (khóa học 3 tháng bắt đầu từ 1/11/N đến hết ngày 31/1/N+1, toàn bộ tiền khóa học được thanh toán ngay tại ngày ký hợp đồng). Biết cả trung tâm UTS và công ty B đều áp dụng kỳ kế toán tháng. Cuối mỗi tháng, công ty B sẽ thực hiện một bút toán điều chỉnh:

- A. Chi phí trả trước
- B. Doanh thu chưa thực hiện
- C. Doanh thu chưa thu tiền và chưa ghi nhận
- D. Chi phí chưa thanh toán và chưa ghi nhận

ANSWER: A

Câu 16b:

Ngày 1/11/N, trung tâm anh ngữ UTS ký hợp đồng cung cấp khóa giao tiếp cấp tốc cho công ty B (khóa học 3 tháng bắt đầu từ 1/11/N đến hết ngày 31/1/N+1, toàn bộ tiền khóa học được thanh toán ngay tại ngày ký hợp đồng). Biết cả trung tâm UTS và công ty B đều áp dụng kỳ kế toán tháng. Cuối mỗi tháng, trung tâm UTS sẽ thực hiện một bút toán điều chỉnh:

- A. Doanh thu chưa thực hiện
- B. Chi phí trả trước
- C. Doanh thu chưa thu tiền và chưa ghi nhận
- D. Chi phí chưa thanh toán và chưa ghi nhận

ANSWER: A

Câu 16c:

Ngày 1/11/N, trung tâm anh ngữ UTS ký hợp đồng cung cấp khóa giao tiếp cấp tốc cho công ty B (khóa học 3 tháng bắt đầu từ 1/11/N đến hết ngày 31/1/N+1, toàn bộ tiền khóa học được thanh toán vào ngày 31/1/N+1). Biết cả trung tâm UTS và công ty B đều áp dụng kỳ kế toán tháng. Cuối mỗi tháng, trung tâm UTS sẽ thực hiện một bút toán điều chỉnh:

- A. Doanh thu chưa thu tiền và chưa ghi nhận
- B. Chi phí trả trước
- C. Doanh thu chưa thực hiện
- D. Chi phí chưa thanh toán và chưa ghi nhận

ANSWER: A

Câu 16d:

Ngày 1/11/N, trung tâm anh ngữ UTS ký hợp đồng cung cấp khóa giao tiếp cấp tốc cho công ty B (khóa học 3 tháng bắt đầu từ 1/11/N đến hết ngày 31/1/N+1, toàn bộ tiền khóa học được

thanh toán vào ngày 31/1/N+1). Biết cả trung tâm UTS và công ty B đều áp dụng kỳ kế toán tháng. Cuối mỗi tháng, công ty B sẽ thực hiện một bút toán điều chỉnh:

- A. Chi phí chưa thanh toán và chưa ghi nhận
- B. Chi phí trả trước
- C. Doanh thu chưa thực hiện
- D. Doanh thu chưa thu tiền và chưa ghi nhận

ANSWER: A

Câu 17: (random 1 trong 4 câu)

Câu 17a:

Phát biểu nào sau đây là Đúng khi xác định số dư cuối kỳ TK 214 – “Hao mòn TSCĐ”?

- A. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh bên Có – Tổng phát sinh bên Nợ
- B. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh bên Nợ - Tổng phát sinh bên Có
- C. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh giảm – Tổng phát sinh tăng
- D. Không có số dư cuối kỳ

ANSWER: A

Câu 17b:

Phát biểu nào sau đây là Đúng khi xác định số dư cuối kỳ TK 331 – “Phải trả người bán”?

- A. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh bên Có – Tổng phát sinh bên Nợ
- B. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh bên Nợ - Tổng phát sinh bên Có
- C. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh giảm – Tổng phát sinh tăng
- D. Không có số dư cuối kỳ

ANSWER: A

Câu 17c:

Phát biểu nào sau đây là Đúng khi xác định số dư cuối kỳ TK 131 – “Phải thu khách hàng”?

- A. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh bên Nợ – Tổng phát sinh bên Có
- B. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh bên Có - Tổng phát sinh bên Nợ
- C. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh giảm – Tổng phát sinh tăng
- D. Không có số dư cuối kỳ

ANSWER: A

Câu 17d:

Phát biểu nào sau đây là Đúng khi xác định số dư cuối kỳ TK 334 – “Phải trả người lao động”?

- A. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh bên Có – Tổng phát sinh bên Nợ
- B. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh bên Nợ - Tổng phát sinh bên Có
- C. Số dư đầu kỳ + Tổng phát sinh giảm – Tổng phát sinh tăng
- D. Không có số dư cuối kỳ

ANSWER: A

Câu 18: (random 1 trong 4 câu)

Câu 18a:

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ: 2.000.000.000 đồng
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 680.000.000 đồng
- + Lãi từ đầu tư chứng khoán: 28.000.000 đồng
- + Được tặng một thiết bị bán hàng trị giá: 200.000.000 đồng
- + Chi trả lãi vay trong năm: 360.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh” vào lúc cuối kỳ tại công ty A là:

A. Nợ TK 911 1.188.000.000
 Có TK 421 1.188.000.000

B. Nợ TK 421 1.188.000.000
 Có TK 911 1.188.000.000

C. Nợ TK 911 1.188.000.000
 Có TK 511 1.188.000.000

D. Nợ TK 511 1.188.000.000
 Có TK 911 1.188.000.000

ANSWER: A

Câu 18b:

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ: 790.000.000 đồng
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 680.000.000 đồng
- + Lãi từ đầu tư chứng khoán: 28.000.000 đồng
- + Được tặng một thiết bị bán hàng trị giá: 100.000.000 đồng
- + Chi trả lãi vay trong năm: 360.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh” vào lúc cuối kỳ tại công ty A là:

A. Nợ TK 421	122.000.000	
	Có TK 911	122.000.000
B. Nợ TK 911	122.000.000	
	Có TK 421	122.000.000
C. Nợ TK 911	122.000.000	
	Có TK 511	122.000.000
D. Nợ TK 511	122.000.000	
	Có TK 911	122.000.000

ANSWER: A

Câu 18c:

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ: 720.000.000 đồng
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 680.000.000 đồng
- + Lãi từ đầu tư chứng khoán: 28.000.000 đồng
- + Được tặng một thiết bị bán hàng trị giá: 100.000.000 đồng
- + Chi trả lãi vay trong năm: 360.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh” vào lúc cuối kỳ tại công ty A là:

A. Nợ TK 421	192.000.000	
	Có TK 911	192.000.000
B. Nợ TK 911	192.000.000	
	Có TK 421	192.000.000
C. Nợ TK 911	192.000.000	
	Có TK 511	192.000.000
D. Nợ TK 511	192.000.000	
	Có TK 911	192.000.000

ANSWER: A

Câu 18d:

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ: 720.000.000 đồng
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 680.000.000 đồng
- + Lãi từ đầu tư chứng khoán: 28.000.000 đồng
- + Thu được khoản tiền bồi thường hợp đồng từ đối tác: 80.000.000 đồng
- + Chi trả lãi vay trong năm: 360.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh” vào lúc cuối kỳ tại công ty A là:

A.	Nợ TK 421	212.000.000
	Có TK 911	212.000.000
B.	Nợ TK 911	212.000.000
	Có TK 421	212.000.000
C.	Nợ TK 911	212.000.000
	Có TK 511	212.000.000
D.	Nợ TK 511	212.000.000
	Có TK 911	212.000.000

ANSWER: A

Câu 19: (random 1 trong 4 câu)

Câu 19a:

Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 20 cái máy in Toshiba với đơn giá 7.000.000 đồng/cái. Chiết khấu được hưởng do mua số lượng lớn là 1.000.000 đồng. Chi phí vận chuyển lô hàng hóa về nhập kho 500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 139.500.000 đồng
- B. 140.500.000 đồng
- C. 140.000.000 đồng
- D. 139.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19b:

Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 30 cái máy in Toshiba với đơn giá 7.000.000 đồng/cái. Chiết khấu được hưởng do mua số lượng lớn là 1.000.000 đồng. Chi phí vận chuyển lô hàng hóa về nhập kho 500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 209.500.000 đồng
- B. 210.000.000 đồng
- C. 210.500.000 đồng
- D. 209.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19c:

Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 40 cái máy in Toshiba với đơn giá 7.000.000 đồng/cái. Chiết khấu được hưởng do mua số lượng lớn là 1.000.000 đồng. Chi phí vận chuyển lô hàng hóa về nhập kho 500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 279.500.000 đồng
- B. 281.500.000 đồng
- C. 280.000.000 đồng
- D. 280.500.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19d:

Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 50 cái máy in Toshiba với đơn giá 7.000.000 đồng/cái. Chiết khấu được hưởng do mua số lượng lớn là 1.000.000 đồng. Chi phí vận chuyển lô hàng hóa về nhập kho 500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 349.500.000 đồng
- B. 350.000.000 đồng
- C. 350.500.000 đồng
- D. 351.500.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20: (random 1 trong 4 câu)

Câu 20a:

Công ty Enfa kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Hàng hóa tồn kho tại ngày 1/12/N bao gồm 200 sản phẩm A với giá 1.500.000 đồng/sản phẩm.

Ngày 11/12, mua nhập kho thêm 300 sản phẩm, đơn giá 1.520.000 đồng/sản phẩm.

Ngày 15/12, xuất kho bán 350 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 2.500.000 đồng/sản phẩm.

Doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tại ngày 15/12 lần lượt là:

A. 875.000.000 đồng và 528.000.000 đồng

B. 875.000.000 đồng và 525.000.000 đồng

C. 875.000.000 đồng và 532.000.000 đồng

D. 875.000.000 đồng và 531.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20b:

Công ty Enfa kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Hàng hóa tồn kho tại ngày 1/12/N bao gồm 200 sản phẩm A với giá 1.500.000 đồng/sản phẩm.

Ngày 11/12, mua nhập kho thêm 300 sản phẩm, đơn giá 1.520.000 đồng/sản phẩm.

Ngày 15/12, xuất kho bán 400 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 2.500.000 đồng/sản phẩm.

Doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tại ngày 15/12 lần lượt là:

A. 1.000.000.000 đồng và 604.000.000 đồng

B. 1.000.000.000 đồng và 600.000.000 đồng

C. 1.000.000.000 đồng và 608.000.000 đồng

D. 1.000.000.000 đồng và 606.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20c:

Công ty Enfa kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Hàng hóa tồn kho tại ngày 1/12/N bao gồm 200 sản phẩm A với giá 1.500.000 đồng/sản phẩm.

Ngày 11/12, mua nhập kho thêm 300 sản phẩm, đơn giá 1.520.000 đồng/sản phẩm.

Ngày 15/12, xuất kho bán 250 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 2.500.000 đồng/sản phẩm.

Doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tại ngày 15/12 lần lượt là:

- A. 625.000.000 đồng và 376.000.000 đồng
- B. 625.000.000 đồng và 379.000.000 đồng
- C. 625.000.000 đồng và 380.000.000 đồng
- D. 625.000.000 đồng và 375.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20d:

Công ty Enfa kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Hàng hóa tồn kho tại ngày 1/12/N bao gồm 200 sản phẩm A với giá 1.500.000 đồng/sản phẩm.

Ngày 11/12, mua nhập kho thêm 300 sản phẩm, đơn giá 1.520.000 đồng/sản phẩm.

Ngày 15/12, xuất kho bán 300 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 2.500.000 đồng/sản phẩm.

Doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tại ngày 15/12 lần lượt là:

- A. 750.000.000 đồng và 452.000.000 đồng
- B. 750.000.000 đồng và 450.000.000 đồng
- C. 750.000.000 đồng và 456.000.000 đồng
- D. 750.000.000 đồng và 454.000.000 đồng

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (3.0 điểm) (Random 1 trong 5 câu)

Câu TL1:

Số dư một số tài khoản kế toán tại ngày 1/12/N tại công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Anh Quân như sau:

Hàng hóa 120.000.000 đồng (chi tiết 600 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)

Phải trả người bán 50.000.000 (mua hàng hóa từ công ty Phú An chưa thanh toán)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

(1) Ngày 2, bán ½ lô hàng hóa tồn kho đầu kỳ với đơn giá bán 320.000 đồng/sản phẩm cho công ty Bình Lợi, chưa thu tiền.

(2) Ngày 10, chi tiền mặt 10.000.000 đồng mua 1 lô công cụ dụng cụ nhập kho.

- (3) Ngày 12, nhận được toàn bộ tiền hàng do công ty Bình Lợi chuyển khoản thanh toán.
 (4) Ngày 18, chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng còn nợ cho công ty Phú An.
 (5) Ngày 30, nhận được hóa đơn tiền điện tháng 12/N phát sinh tại cửa hàng với số tiền 5.000.000 đồng, công ty chưa thanh toán.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 131	96.000.000		
CÓ TK 511	96.000.000		(0.5 điểm)
NỢ TK 632	60.000.000		
CÓ TK 156	60.000.000		(0.5 điểm)
(2) NỢ TK 153	10.000.000		(0.5 điểm)
CÓ TK 111	10.000.000		
(3) NỢ TK 112	96.000.000		
CÓ TK 131	96.000.000		(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 331	50.000.000		
CÓ TK 112	50.000.000		(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 641	5.000.000		(0.5 điểm)
CÓ TK 331	5.000.000		

Câu TL2:

Số dư một số tài khoản kế toán tại ngày 1/12/N tại công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Anh Quân như sau:

Hàng hóa 120.000.000 đồng (chi tiết 600 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)

Phải trả người bán 35.000.000 (mua hàng hóa từ công ty Phú An chưa thanh toán)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

- (1) Ngày 2, chi tiền mặt 5.000.000 đồng mua 1 lô nguyên vật liệu nhập kho.
 (2) Ngày 10, bán 200 sản phẩm hiện có trong kho với đơn giá bán 320.000 đồng/sản phẩm cho công ty Bình Lợi, chưa thu tiền.
 (3) Ngày 12, chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng còn nợ cho công ty Phú An.
 (4) Ngày 18, nhận được toàn bộ tiền hàng do công ty Bình Lợi chuyển khoản thanh toán.
 (5) Ngày 30, chuyển khoản 3.000.000 đồng thanh toán hóa đơn tiền điện tháng 12/N phát sinh tại cửa hàng.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 152	5.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 111	5.000.000	
(2) NỢ TK 131	64.000.000	
CÓ TK 511	64.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	40.000.000	
CÓ TK 156	40.000.000	(0.5 điểm)
(3) NỢ TK 331	35.000.000	
CÓ TK 112	35.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 112	64.000.000	
CÓ TK 131	64.000.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 641	3.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 112	3.000.000	

Câu TL3:

Số dư một số tài khoản kế toán tại ngày 1/12/N tại công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Anh Quân như sau:

Hàng hóa 120.000.000 đồng (chi tiết 600 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)

Phải trả người bán 75.000.000 (mua hàng hóa từ công ty Phú An chưa thanh toán)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

- Ngày 2, chi tiền mặt 15.000.000 đồng mua 1 lô công cụ dụng cụ nhập kho.
- Ngày 10, bán 400 sản phẩm hiện có trong kho với đơn giá bán 320.000 đồng/sản phẩm cho công ty Bình Lợi, chưa thu tiền.
- Ngày 12, chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng còn nợ cho công ty Phú An.
- Ngày 18, nhận được toàn bộ tiền hàng do công ty Bình Lợi chuyển khoản thanh toán.
- Ngày 30, chuyển khoản 3.000.000 đồng thanh toán hóa đơn tiền điện tháng 12/N phát sinh tại bộ phận văn phòng.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 153	15.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 111	15.000.000	
(2) NỢ TK 131	128.000.000	
CÓ TK 511	128.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	80.000.000	

	CÓ TK 156	80.000.000	(0.5 điểm)
(3)	NỢ TK 331	75.000.000	
	CÓ TK 112	75.000.000	(0.5 điểm)
(4)	NỢ TK 112	128.000.000	
	CÓ TK 131	128.000.000	(0.5 điểm)
(5)	NỢ TK 642	3.000.000	(0.5 điểm)
	CÓ TK 112	3.000.000	

Câu TL4:

Số dư một số tài khoản kế toán tại ngày 1/12/N tại công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Anh Quân như sau:

Hàng hóa 120.000.000 đồng (chi tiết 600 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)

Phải trả người bán 23.000.000 (mua hàng hóa từ công ty Phú An chưa thanh toán)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

- Ngày 2, chi tiền mặt 3.000.000 đồng mua 1 lô nguyên vật liệu nhập kho.
- Ngày 10, bán 150 sản phẩm hiện có trong kho với đơn giá bán 320.000 đồng/sản phẩm cho công ty Bình Lợi, chưa thu tiền.
- Ngày 12, chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng còn nợ cho công ty Phú An.
- Ngày 18, nhận được toàn bộ tiền hàng do công ty Bình Lợi chuyển khoản thanh toán.
- Ngày 30, nhận được hóa đơn tiền điện tháng 12/N phát sinh tại văn phòng quản lý với số tiền 4.000.000 đồng, chưa thanh toán.

ĐÁP ÁN:

(1)	NỢ TK 152	3.000.000	(0.5 điểm)
	CÓ TK 111	3.000.000	
(2)	NỢ TK 131	48.000.000	
	CÓ TK 511	48.000.000	(0.5 điểm)
	NỢ TK 632	30.000.000	
	CÓ TK 156	30.000.000	(0.5 điểm)
(3)	NỢ TK 331	23.000.000	
	CÓ TK 112	23.000.000	(0.5 điểm)
(4)	NỢ TK 112	48.000.000	
	CÓ TK 131	48.000.000	(0.5 điểm)

(5) NỢ TK 642	4.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 331	4.000.000	

Câu TL5:

Số dư một số tài khoản kế toán tại ngày 1/12/N tại công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Anh Quân như sau:

Hàng hóa 120.000.000 đồng (chi tiết 600 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)

Phải trả người bán 40.000.000 (mua hàng hóa từ công ty Phú An chưa thanh toán)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

- (1) Ngày 2, chi tiền mặt 5.000.000 đồng mua 1 lô nguyên vật liệu nhập kho.
- (2) Ngày 10, bán 450 sản phẩm hiện có trong kho với đơn giá bán 320.000 đồng/sản phẩm cho công ty Bình Lợi, chưa thu tiền.
- (3) Ngày 12, chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng còn nợ cho công ty Phú An.
- (4) Ngày 18, nhận được toàn bộ tiền hàng do công ty Bình Lợi chuyển khoản thanh toán.
- (5) Ngày 30, chi tiền mặt 4.500.000 đồng thanh toán hóa đơn tiền điện tháng 12/N phát sinh tại văn phòng quản lý.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 152	5.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 111	5.000.000	
(2) NỢ TK 131	144.000.000	
CÓ TK 511	144.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	90.000.000	
CÓ TK 156	90.000.000	(0.5 điểm)
(3) NỢ TK 331	40.000.000	
CÓ TK 112	40.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 112	144.000.000	
CÓ TK 131	144.000.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 642	4.500.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 111	4.500.000	

Ngày biên soạn: 22/10/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

Ngày kiểm duyệt:

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: ThS. Phan Minh Nguyệt

- Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).
- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.